

Soạn Getting started - Unit 4 lớp 9 SGK trang 40, 41**1. Listen and read**

(Nghe và đọc)

Preserving the past

Father: This is a present for you, son.

Nguyen: A kite! How cool! Thank you, dad.

Father: I made it for you, just like your grandfather used to make one for me.

Nguyen: Is it a family tradition?

Father: Yes, for generations.

Nguyen: I love it. So when you were a kid, what did you use to do for entertainment?



Father: Oh, it was all very simple back then. We didn't have television or the internet. A mobile movie team used to come once every two months, and everyone from the village would be there. The children were always early, trying to get a place near the screen.

Nguyen: I suppose it was a special occasion, wasn't it?

Father: Sure.

Nguyen: I wish there were movie teams like that now.

Father: Yeah, it was a lot of fun.

Nguyen: Then how did you get to know about the world outside?

Father: We had the radio; actually, only wealthy people did. The whole village used to listen to the news programme through a loudspeaker.

Nguyen: Wow, I can't imagine that.

Father: I know. The world's changed a lot, son. It's much easier now.

Nguyen: Do you miss the past, dad?

Father: I suppose I do. Sometimes I wish I could go back to that time.

Hướng dẫn dịch

Bố: Quà cho con này, con trai.

Nguyên: Một cái diều! Thật tuyệt! Con cảm ơn bố.

Bố: Bố đã làm nó cho con đây, giống như ông nội đã từng làm cho bố.

Nguyên: Đó là truyền thống gia đình à bố?

Nguyên: Đúng con à, qua rất nhiều thế hệ rồi.

Nguyên: Con rất thích. Vậy khi còn nhỏ bố hay làm gì để giải trí?

Bố: À, hồi đó mọi thứ đều rất giản đơn. Bố không có tivi hay mạng internet gì cả. Đội chiếu phim thường tới hai tháng một lần, và tất cả mọi người trong làng sẽ tới xem. Trẻ con thì luôn đến sớm, cố gắng lấy một vị trí gần màn chiếu.

Nguyên: Con đoán nó là dịp rất đặc biệt phải không bố?

Bố: Chắc chắn rồi.

Nguyên: Con ước bây giờ cũng có đội chiếu phim như thế.

Bố: Ừ, vui lắm.

Nguyên: Thế thì làm thế nào để bố biết về thế giới bên ngoài.

Bố: Nhà mình có một cái đài; thực ra, chỉ người có điều kiện mới có nó thôi. Cả làng nghe các chương trình tin tức qua loa phát thanh.

Nguyên: Wow, con không thể tưởng tượng được.

Bố: Bố biết, cuộc sống đã thay đổi quá nhiều con trai à. Mọi thứ dần trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Nguyên: Bố có nhớ ngày xưa không?

Bố: Bố nghĩ là có. Đôi khi bố ước mình có thể quay lại thời đó.

a. Read the conversation again and answer the questions.

(Đọc lại đoạn hội thoại và trả lời câu hỏi.)

1. What is a tradition in Nguyen's family?

⇒ Fathers make kites for sons.

2. How often did the movie team come to the village?

⇒ Once every two months.

3. What did the children use to do when the movie team came to the village?

⇒ They used to come early, trying to get a place near the screen.

4. Who in the village had a radio?

⇒ Only wealthy households.

5. Does Nguyen's father miss the past? What did he say?

⇒ Yes, he does. He said: "Sometimes I wish I could go back to that time."

b. Match the expressions (1 - 4) from the conversation with their meanings (a - d). ...

(Nói những câu biểu cảm (1-4) ở đoạn hội thoại với nghĩa thích hợp(a-d). Bạn có thể thêm những biểu cảm nào khác với ý nghĩa tương tự không?)

1. c	2. a	3. d	4. b
------	------	------	------

Some more expressions with the same meanings:

- Express agreement: Definitely/ Of course/ That's true/ Absolutely/ Exactly/ No doubt about it/...
- Express a wish: If only I could go back to that time
- Express appreciation: That's great/ Thank you so much/ I appreciate this/...
- Express surprise: How awesome/ That's amazing/ I can't believe it/...

c. Choose suitable expressions from 1b to complete ...

(Chọn những câu biểu cảm thích hợp ở phần 1b để hoàn thành đoạn hội thoại ngắn.)

1. Sure.
2. I can't imagine that.
3. How cool!

4. I wish I could go back to that time.

5. How cool!

6. I can't imagine that.

2. Use that words/ phrases in the box to complete the sentences.

(Sử dụng từ/ cụm từ trong bảng để hoàn thành câu.)

1. loudspeaker.

2. traditions

3. generations.

4. technological changes.

5. events.

6. a special occasion.

Hướng dẫn dịch

1. Một loa phóng thanh được dùng để làm cho âm thanh lớn hơn nhiều để nhiều người có thể nghe từ một khoảng cách.

2. Mỗi quốc gia có phong tục và truyền thống của họ.

3. Luôn có một khoảng cách lớn giữa các thế hệ. Người già thỉnh thoảng cảm thấy khó khăn để hiểu người trẻ.

4. Người ở quá khứ thường chậm chấp nhận thay đổi công nghệ hơn họ ngày nay.

5. Theo truyền thống, đám cưới và đám tang được xem là những sự kiện quan trọng trong làng ở Việt Nam.

6. Đám cưới là một dịp đặc biệt, không chỉ dành cho chú rể và cô dâu mà còn cho những người tham gia khác khi họ có thể gặp bạn bè và họ hàng.

3. In groups, brainstorm some of the past events and practices ...

(Làm việc theo nhóm, suy nghĩ một vài sự kiện và thói quen trong quá khứ. Lập 1 danh sách và thuyết trình cho cả lớp cùng nghe.)

Gợi ý:

- Women in Hue used to wear palm leaf conical hat, to wear the traditional long dress whenever they went out...
- Vietnamese women used to dye their teeth black.
- Girls used not to go to school in the past.
- People used to cook meal with fire from wood or hay.
- People used to use water from wells.
- People used to write hand-written letters.
-